TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CỬA LÒ
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2020/ HNGĐ - ST
Ngày: 28/05/2020
(V/v kiện xin ly hôn)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CỬA LÒ, TỈNH NGHỆ AN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Lĩnh Thái
- Các hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Thanh Hiền
Bà Lê Thị Thúy Vân
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: ông Trần Trọng Nghĩa – Cán bộ Toà án nhân dân thị xã Cửa Lò.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cửa Lò: Bà Phan thị Vân Anh - Kiểm sát viên

Ngày 28/05/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 14/2020/TLST - HNGĐ ngày 13/02/2020 về tranh chấp hôn nhân gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 12/05/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Võ Văn T, sinh năm 1991 (Vắng mặt)
Trú tại: Khối ĐH, phường Nghi Hòa, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An
- Bị đơn: Chị Huỳnh Ngọc B, sinh năm 1993(Vắng mặt)
Trú tại: Khối HT, phường Nghi Hải, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại đơn khởi kiện xin ly hôn; bản tự khai nguyên đơn là anh Võ Văn T trình bày:*

Anh và chị Huỳnh Ngọc B tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND phường Nghi Hải, thị xã Cửa Lò ngày 11/12/2014. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống tại khối TT (trước đây là khối HT), phường Nghi Hải, thị xã Cửa Lò,

tỉnh Nghệ An. Đến năm 2016 thì hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã, không hiểu nhau, cũng trong năm 2016 thì chị B đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài. Trong quá trình đi xuất khẩu lao động thì hai vợ chồng vẫn tiếp tục mâu thuẫn. Đến năm 2019 chị B về nước nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện và hai vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên anh xin được ly hôn với chị Huỳnh Ngọc B.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Võ Thị Ánh T, sinh ngày 09/08/2015, cháu sống cùng với anh từ khi còn bé cho đến nay. Hiện nay anh làm nghề tự do thu nhập mỗi tháng 10.000.000đồng. Nếu ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu và yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ 01/06/2020 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi trưởng thành.

- Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về khoản nợ: Vợ chồng không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên anh không yêu cầu tòa án giải quyết.

* *Đối với chị Huỳnh Ngọc B*: Quá trình giải quyết vụ án chị B không có mặt. Tuy nhiên tại Đơn xin xét xử vắng mặt ngày 14/02/2020 chị B hoàn toàn thừa nhận thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng như anh T trình bày. Nay chị không còn tình cảm với anh T nữa nên cũng đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Võ Thị Ánh T, sinh ngày 09/08/2015. Nếu ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu và yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đồng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi trưởng thành chị hoàn toàn nhất trí.

- Về tài sản chung: Chị B cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về khoản nợ: Vợ chồng không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và HĐXX trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đúng thời hạn, không có vi phạm gì; Việc xét xử tại phiên tòa đảm bảo, đúng theo quy định của pháp luật. Về nội dung đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: cho anh T và chị B được ly hôn.

Về con chung: Giao cháu Võ Thị Ánh T, sinh ngày 09/08/2015 cho anh Võ Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. chị Huỳnh Ngọc B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/06/2020 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung: Anh T, Chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về khoản nợ: Vợ chồng không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết:

Vụ án thuộc trường hợp tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị đơn chị Huỳnh Ngọc B có hộ khẩu thường trú tại khối HT (nay là khối Trung Thanh), phường Nghi Hải, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An do đó Tòa án nhân dân thị xã Cửa Lò thụ lý và giải quyết là phù hợp theo quy định tại Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay chị Huỳnh Ngọc B, anh Võ Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Hội đồng xét xử xét thấy: Anh Võ Văn T và chi Huỳnh Ngọc B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Nghi Hải, thị xã Cửa Lò vào ngày 11/12/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã, không hiểu nhau, cũng trong năm 2016 thì chị B đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài. Trong quá trình đi xuất khẩu lao động thì hai vợ chồng vẫn tiếp tục mâu thuẫn. Đến năm 2019 chị B về nước nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện và sống ly thân cho đến nay. Xét thấy tình trạng hôn nhân của anh T và chị B đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không

đạt được. Vì vậy, cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh Võ Văn T được ly hôn chị Huỳnh Ngọc B.

[2.2] Về quan hệ con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Võ Thị Ánh T, sinh ngày 09/08/2015, cháu sống cùng với anh từ khi còn bé cho đến nay. Tại phiên tòa hôm nay, chị B, anh T vắng mặt nhưng xét tại thời điểm xét xử cháu Trúc đang sinh sống ổn định cùng anh T. Ngoài ra, anh T làm nghề tự do thu nhập mỗi tháng 10.000.000đồng có đủ điều kiện để nuôi con. Mặt khác chị B cũng đồng ý giao cháu Trúc cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên xét thấy để đảm bảo điều kiện sống ổn định, tốt nhất cho cháu Trúc thì cần giao cháu cho anh T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Võ Văn T yêu cầu chị Huỳnh Ngọc B cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đồng/tháng. Thời hạn cấp dưỡng tính từ 01/06/2020 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Chị B đồng ý nên có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

[2.4] Về nợ: Vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Anh Võ Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0000260 ngày 13/02/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An. Chị Huỳnh Ngọc B phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Võ Văn T được ly hôn chị Huỳnh Ngọc B.

2. Về con chung: Giao cháu cháu Võ Thị Ánh T, sinh ngày 09/08/2015 cho anh Võ Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị Huỳnh Ngọc B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Võ Văn T 1.000.000đồng/tháng. Thời hạn cấp dưỡng tính từ 01/06/2020 cho đến khi cháu Trúc đủ 18 tuổi.

Chị Huỳnh Ngọc B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết

4. Về nợ: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Anh Võ Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0000260 ngày 13/02/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An. Chị Huỳnh Ngọc B phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo lên toà án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án./

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND thị xã Cửa Lò;*
- *CQ THA thị xã Cửa Lò*
- *UBND phường Nghi Hải;*
- *Lưu hồ sơ.*

Nguyễn Lĩnh Thái